

Bản án số: 12/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 28/12/2017
Về tranh chấp ly hôn,
nuôi con, chia tài sản chung.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIỂU CẦN, TỈNH TRÀ VINH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Long

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Văn Quân

Ông Nguyễn Văn Bé

Thư ký phiên tòa: Bà Lâm Thị Nhi - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh.

Ngày 28 tháng 12 năm 2017, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân thụ lý số: 57/2017/TLST- HNGĐ, ngày 01 tháng 11 năm 2017, về “Tranh chấp ly hôn, nuôi con, chia tài sản khi ly hôn”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2017/QĐST-HNGĐ, ngày 11 tháng 12 năm 2017, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trương Thị L, sinh năm 1989 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp 1, xã P, huyện C, tỉnh T;

Bị đơn: Anh Phan Hoàng A, sinh năm 1988 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp P, xã Hiếu T, huyện T, tỉnh T.

Con chung: Cháu Phan Thị Trà M, sinh năm 2006 (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 24/10/2017 và đơn khởi kiện bổ sung ngày 11/12/2017 và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, chị Trương Thị L trình bày: Vào ngày 11/8/2016, chị và anh Phan Hoàng A xác lập quan hệ vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện C, tỉnh T. Trong quá trình chung sống có 01 con chung tên Phan Thị Trà M, sinh ngày 05/12/2009 hiện đang sống với anh Hoàng A.

Tài sản chung:

+ 01 (một) chiếc xe Sirius giá 18.000.000 đồng.

+ 01(một) chiếc xe Exciter, biển số 84H1-250.18 trị giá 46.000.000 đồng.

+ 01(một cái tủ lạnh) hiệu Sharp, trị giá 4.200.000 đồng, các tài sản nêu trên đều do anh Phan Hoàng A quản lý.

Nợ chung: Không có.

Nguyên nhân mâu thuẫn: Vào năm 2009, chị L và anh Hoàng A có kết hôn với nhau và có 01 con chung tên Phan Thị Trà M, sinh ngày 05/12/2009. Ngày 02/12/2013, anh chị được Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần giải quyết cho ly hôn.

Đến ngày 11 tháng 8 năm 2016, anh Phan Hoàng A và chị Trương Thị L xác lập quan hệ hôn nhân lần thứ hai và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện C, tỉnh T. Nhưng do vợ chồng thường xuyên cãi vã, không tìm được tiếng nói chung, không thể tiếp tục cuộc sống vợ chồng, nên chị L và anh Hoàng A đã sống ly thân từ tháng 3 năm 2017 cho đến nay.

Nay, chị Trương Thị L yêu cầu:

Về hôn nhân: Xin được ly hôn với anh Phan Hoàng A

Về tài sản chung:

Đối với chiếc xe Sirius chị L rút lại yêu cầu khởi kiện không yêu cầu chia.

Đối với cái tủ lạnh hiệu Sharp trị giá 4.200.000 đồng, chị Lài đồng ý để cho anh Phan Hoàng A tiếp tục sử dụng, nhưng phải có nghĩa vụ hoàn lại cho chị $\frac{1}{2}$ giá trị là 2.100.000 đồng.

Đối với chiếc xe mô tô loại Exciter do anh Hoàng A bỏ tiền ra mua vào tháng 4 năm 2016, đến tháng 8 năm 2016, chị mới kết hôn lại với anh Hoàng A và có trả góp tiền xe từ tháng 8 năm 2016 đến tháng 3 năm 2017 là 8 tháng, chứng từ trả góp hiện do anh Phan Hoàng A giữ. Tại Tòa chị L yêu cầu anh Hoàng A hoàn lại chị $\frac{1}{2}$ số tiền trả góp là 8 tháng theo chứng từ có trong hồ sơ vụ án.

Về con chung: yêu cầu được nuôi con chung tên Phan Thị Trà M, sinh ngày 05/12/2009 hiện do anh Hoàng A đang nuôi dưỡng và yêu cầu anh Hoàng A cấp dưỡng mỗi tháng 900.000 đồng cho đến khi con chung tròn 18 tuổi.

Nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại các bản tự khai và biên bản hòa giải ngày 11/12/2017, anh Phan Hoàng A trình bày: Anh thống nhất về thời gian kết hôn, điều kiện kết hôn, con chung, nợ chung, mâu thuẫn vợ chồng như chị L trình bày là đúng.

Về hôn nhân: Anh Phan Hoàng A đồng ý ly hôn với chị Trương Thị L.

Về tài sản chung:

Đối với cái tủ lạnh hiệu Sharp, anh thống nhất là tài sản chung và có giá trị là 4.200.000 đồng như chị L trình bày, anh đồng ý tiếp tục quản lý, sở hữu và đồng ý hoàn lại cho chị L 2.100.000 đồng.

Đối với chiếc xe Exciter là do anh bỏ tiền ra mua trước khi kết hôn với chị L và toàn bộ tiền trả góp là tiền riêng của anh, Chị L không có trả tiền góp lần nào, nên anh không đồng ý yêu cầu chia $\frac{1}{2}$ giá trị tiền trả góp là 8 tháng theo yêu cầu của chị L.

Ý kiến cháu Phan Thị Trà M: Nếu Tòa cho cha mẹ ly hôn thì cháu xin được sống với cha.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Đây là vụ án hôn nhân và gia đình và bị đơn cư trú tại huyện Tiểu Cần, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh.

[2] *Về hôn nhân*: Chị Trương Thị L và anh Phan Hoàng A xác lập quan hệ hôn nhân trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện C, tỉnh T theo đúng quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; nên hôn nhân của anh, chị là hợp pháp. Vào năm 2009, anh chị đã kết hôn và có 01 con chung là thể hiện một gia đình hạnh phúc. Tuy nhiên, hạnh phúc của anh chị không bền vững là do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm nên đã ly hôn với nhau vào năm 2013. Đến ngày 11/8/2016, anh chị kết hôn lại lần hai, nhưng trong cuộc sống, thường xuyên cự cãi nhau nên hai người sống ly thân nhau từ ngày 01/3/2017 cho đến nay.

Xét thấy tình nghĩa vợ chồng của anh Phan Hoàng A và chị L thiếu tình yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cuộc sống bất đồng, không có sự thấu hiểu nhau, mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Chị Trương Thị L và anh Phan Hoàng A đều thống nhất xin ly hôn nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện ly hôn giữa anh chị.

[3] *Về con chung tên*: Phan Thị Trà M, sinh ngày 05/12/2009 đang do anh Phan Hoàng A nuôi dưỡng từ bé, hiện đời sống kinh tế và tình cảm giữa cha con là tốt, cuộc sống của cháu đang ổn định, để giữ ổn định về tâm lý và tình cảm của cháu và gia đình của anh Hoàng A nghĩ nên tiếp tục để anh Phan Hoàng A tiếp tục nuôi dưỡng cháu M là phù hợp. Do anh Phan Hoàng A không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con, nên Tòa không đặt ra giải quyết.

[4] *Về nợ chung*: Không có.

[5] Về tài sản chung:

- Đối với chiếc xe Sirius chị Lài rút lại yêu cầu khởi kiện không yêu cầu chia, nên Tòa án đình chỉ xét xử đối với yêu cầu này của chị L.

- Đối với cái tủ lạnh hiệu Sharp trị giá 4.200.000 đồng, chị L đồng ý để cho anh Phan Hoàng A tiếp tục sử dụng, nhưng phải có nghĩa vụ hoàn lại cho chị $\frac{1}{2}$ giá trị là 2.100.000 đồng. Anh Hoàng A cũng đồng ý theo yêu cầu của chị L, nên Tòa án ghi nhận sự thỏa thuận này của anh, chị.

- Đối với chiếc xe mô tô loại Exciter do anh Hoàng A bỏ tiền ra mua vào tháng 4 năm 2016, đến tháng 8 năm 2016, chị L mới kết hôn lại với anh Hoàng A, các chứng từ trả góp từ tháng 8 năm 2016 đến tháng 01 năm 2017 chỉ có tên anh Hoàng Anh, không có tên hay chữ ký của chị L, anh Hoàng A không thừa nhận chiếc xe là tài sản chung. Tại Tòa chị L cũng không có gì chứng minh từ tháng 8 năm 2016 đến tháng 02 năm 2017 chị có bỏ tiền của chị và trực tiếp trả góp lần nào, nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu của chị. Tuy nhiên, anh Hoàng A thừa nhận ngày 11/8/2016 anh và chị L kết hôn và sống chung với nhau cho đến ngày 01/3/2017 thì chị L bỏ về nhà cha mẹ ở huyện C. Chị L chỉ sống bên nhà anh khoảng 05 tháng. Như vậy, về mặt thời gian trả góp chiếc xe và thời gian sống chung giữa anh Hoàng A và chị L lời khai có mâu thuẫn, nhưng qua các tài liệu có trong hồ sơ thì chị L và anh Hoàng A đăng ký kết hôn lần hai vào ngày 11/8/2016, chị L khai bỏ nhà của cha mẹ anh Hoàng A ngày 01/3/2017, thời gian hai người sống chung khoảng 6 tháng.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 29 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014: Nguyên tắc chung về chế độ tài sản của vợ chồng "...không phân biệt giữa lao động trong gia đình và lao động có thu nhập". Tại Tòa, anh Hoàng A và chị L thống nhất số tiền trả góp chiếc xe trong 6 tháng (từ 16/9/2016 đến 16/2/2016) là: 13.890.000 đồng, anh Hoàng A và chị L thống nhất hoàn cho chị L $\frac{1}{4}$ số tiền nêu trên là 3.472.500 đồng.

[6] *Về án phí*: Các đương sự phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; Điều 35, 39, 147, 273, 280 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 55, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Trương Thị L.

Về hôn nhân: Ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trương Thị L và anh Phan Hoàng A.

Về con chung: Giao con chung tên Phan Thị Trà M, sinh ngày 05/12/2009 cho anh Phan Hoàng A tiếp tục nuôi dưỡng, chị Trương Thị L không phải cấp dưỡng nuôi con do anh Phan Hoàng A không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Về nợ chung: Không có, nên không đặt ra giải quyết.

Về tài sản chung: Anh Phan Hoàng A được sở hữu các tài sản gồm : 01 chiếc xe Exciter, biển số 84H1-250.18 ; 01 tủ lạnh hiệu Sharp và có nghĩa vụ hoàn lại cho chị Trương Thị L số tiền 5.572.500 đồng.

Đình chỉ đối với yêu cầu của chị Lài về việc chia giá trị chiếc xe Sirius biển số 84H1-046.65 ;

Về án phí: Chị Trương Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm và 300.000 án phí dân sự, nhưng được khấu trừ vào tổng số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.050.000 đồng tại các biên lai số 0011761 ngày 01/11/2017 và biên lai số 0011842 ngày 11/12/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tiểu Cần. Hoàn lại cho chị L số tiền chênh lệch bằng 450.000 đồng của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tiểu Cần.

Anh Phan Hoàng A phải chịu 625.875 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử theo trình tự phúc thẩm

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tiểu Cần ;
- Chi cục THADS huyện Tiểu Cần;
- Những người tham gia tố tụng;
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Long